

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ
THƯƠNG MẠI PHƯƠNG ĐÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 – 10
BẢN BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	11 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1108/QĐ/TCCT-LĐ ngày 03 tháng 06 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải với tên gọi là Công ty Vận tải Thủy Bắc. Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105609 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 278 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Lê Vượng	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Quang Toàn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Cảnh Hiệp	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Cao Nhuệ	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Hải Long	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Kiều Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Quang Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Việt	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Quang Toàn - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 08/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Trần Quang Toàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Số: 2107/2026/BCSX/IAV

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận từ chối

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của khoản vay và nợ thuê tài chính. Số dư vay và nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2026 là: 3.053.757.491.687 VND. (tại thời điểm 31/12/2025 là: 3.129.193.424.543 VND).

Mặt khác, trong kỳ, đơn vị không xác định chi phí lãi vay phải trả đối với các khoản vay liên quan đến tàu tàu Nosco Victory, Hồng Lĩnh, Ngọc Sơn, tổng số tiền lãi ước tính là: 30.428.451.740 VND (Dư nợ gốc vay tương ứng là: 624.367.514.366 VND). Theo giải thích của đơn vị: Do tài sản đảm bảo của các khoản vay này gồm: tàu Nosco Victory, Hồng Lĩnh, Ngọc Sơn đã bị các ngân hàng bán giải chấp nhưng Công ty không nhận được thông báo cụ thể về số dư nợ gốc được trừ, do vậy đơn vị không thực hiện tính toán lãi vay phải trả đối với các khoản vay liên quan. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính chính xác của các khoản công nợ nêu trên cùng với ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm nếu có.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận từ chối (Tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh (Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông sở hữu 100% vốn), số tiền là 7.650.000.000 VND đã được công ty trích lập dự phòng 100% đang được công ty chuyển sang theo dõi trên tài khoản phải thu khác do công ty Cổ phần thương mại và vận tải thủy Nosco Quảng Ninh đã đóng mã số thuế, ngừng hoạt động và không liên lạc được với các thành viên ban lãnh đạo.

Như đã thuyết minh tại thuyết minh số 2.2, trong kỳ, Công ty phát sinh khoản lỗ 64.088.609.639 VND. Tại thời điểm 30/06/2026, lỗ lũy kế của công ty là 5.627.544.007.371 VND, vốn chủ sở hữu âm là 5.368.540.923.821 VND, các khoản vay và nợ thuế tài chính đều đã quá hạn. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Kết luận từ chối

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận từ chối", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận soát xét. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Hoàng Kim Thùy

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1464-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ (Trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.823.806.763	83.057.116.273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	33.508.233.818	23.921.694.027
1. Tiền	111		33.508.233.818	6.921.694.027
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	17.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.892.264.753	52.428.246.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	46.665.123.198	48.461.195.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	23.280.828.467	22.971.294.083
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.5	81.776.020.945	81.825.464.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	4.6	(100.829.707.857)	(100.829.707.857)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	351.971.059	503.181.614
1. Hàng tồn kho	141		351.971.059	503.181.614
IV. Tài sản ngắn hạn khác	160		7.071.337.133	6.203.994.135
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.8	1.292.802.276	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		5.778.534.857	6.203.994.135
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.705.881.979	132.963.800.719
I. Tài sản cố định	220		2.273.150.744	128.531.069.484
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.788.630.083	128.039.317.173
- Nguyên giá	222		313.254.027.644	1.523.837.345.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(311.465.397.561)	(1.395.798.028.378)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	484.520.661	491.752.311
- Nguyên giá	228		723.165.149	723.165.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(238.644.488)	(231.412.838)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		4.432.731.235	4.432.731.235
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	4.11	4.432.731.235	4.432.731.235
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	4.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		118.275.077.850	118.275.077.850
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(118.275.077.850)	(118.275.077.850)
CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		98.529.688.742	216.020.916.992

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ (Trình bày lại)
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.467.070.612.563	5.520.473.231.174
I. Nợ ngắn hạn	310		5.466.474.130.467	5.519.878.626.994
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	158.468.937.903	158.814.024.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	13.445.749.776	13.432.919.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.16	808.592.842	853.558.915
4. Phải trả người lao động	315		27.253.108.098	26.452.752.985
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.14	2.190.559.496.238	2.169.442.550.728
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	4.15	20.196.189.555	19.593.511.791
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.17	3.053.757.491.687	3.129.193.424.543
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.984.564.368	2.095.884.368
II. Nợ dài hạn	330		596.482.096	594.604.180
1. Phải trả dài hạn khác	338	4.15	596.482.096	594.604.180
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	(5.368.540.923.821)	(5.304.452.314.182)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.560.000.000	200.560.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.560.000.000	200.560.000.000
2. Thặng dư vốn	412		13.842.805.000	13.842.805.000
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(5.300.680.000)	(5.300.680.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.900.958.550	49.900.958.550
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.627.544.007.371)	(5.563.455.397.732)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(5.563.455.397.732)	(5.358.551.027.128)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(64.088.609.639)	(204.904.370.604)
CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		98.529.688.742	216.020.916.992



Người lập biểu
Vũ Thu Hiền




Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thu Thảo

Tổng giám đốc
Trần Quang Toàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	30.306.389.610	56.137.792.939
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.306.389.610	56.137.792.939
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	47.366.492.675	105.194.236.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(17.060.103.065)	(49.056.443.799)
6. Lãi lỗ bán thanh lý bất động sản đầu tư	21			
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.3	707.051.524	550.468.655
8. Chi phí tài chính	23	5.4	23.164.787.160	109.837.608.132
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		21.009.279.648	36.063.895.834
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.000.238.233	7.815.136.590
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21+(22-23)-(25+26))	30		(44.518.076.934)	(166.158.719.866)
12. Thu nhập khác	31	5.6	560.000	5.392.260.540
13. Chi phí khác	32	5.7	19.571.092.705	5.339.938.152
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(19.570.532.705)	52.322.388
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(64.088.609.639)	(166.106.397.478)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(64.088.609.639)	(166.106.397.478)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	(3.282)	(8.507)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	(3.282)	(8.507)

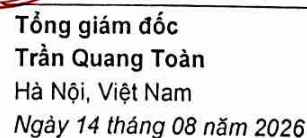


Người lập biểu
Vũ Thu Hiền



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thu Thảo




Tổng giám đốc
Trần Quang Toàn
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(64.088.609.639)	(166.106.397.478)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.496.969.116	42.753.661.158
- Các khoản dự phòng	03		-	(3.328.191.019)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(147.872.821)	73.224.732.972
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		19.121.447.914	(1.489.329)
- Chi phí đi vay	06		21.009.279.648	36.063.895.834
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.391.214.218	(17.393.787.862)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.961.441.022	54.435.868.909
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		151.210.555	(2.715.338.435)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.075.609.278	(39.742.691.156)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.292.802.276)	11.486.279.807
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(111.320.000)	(144.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.175.352.797	5.925.721.263
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.258.419.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		77.229.905.152	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		409.596.558	1.489.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		77.639.501.710	(1.256.930.571)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.17	(77.229.905.152)	(386.984.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(77.229.905.152)	(386.984.504)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.584.949.355	4.281.806.188
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.921.694.027	7.005.186.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.590.436	26.940.534
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		33.508.233.818	11.313.933.087

Người lập biểu
Vũ Thu Hiền

Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thu Thảo



Tổng giám đốc
Trần Quang Toàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1108/QĐ/TCCT-LĐ ngày 03 tháng 06 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải với tên gọi là Công ty Vận tải Thủy Bắc. Công ty được đổi tên thành Công ty Vận tải Biển Bắc từ ngày 01/04/2004. Ngày 12 tháng 06 năm 2017 Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105609 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 278 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 200.560.000.000 đồng chia thành 20.056.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 23 người (tại ngày 31/12/2025 là 60 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh vận tải biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (Chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (chi tiết: vận tải khách bằng đường sông);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: vận tải hàng hóa, xăng dầu, container bằng đường biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: Vận tải đa phương thức, thuê tàu, môi giới cho thuê tàu, đại lý vận tải, dịch vụ container, dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ Logistics).

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty đã thực hiện thanh lý Tài sản cố định là tàu biển Tàu Nosco Glory chuyên phục vụ vận tải biển, do vậy doanh thu của công ty đã giảm đi đáng kể. Ngoài ra, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán bán niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 cùng năm

2.4. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, không bị hạn chế sử dụng và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc thiết bị	07 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

3.8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch

với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bỏ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	31.575.823.407	193.545.993
Tiền gửi không kỳ hạn	1.932.410.411	6.728.148.034
- Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	550.014.351	5.118.403.058
- Các ngân hàng khác	1.382.396.060	1.609.744.976
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội	-	17.000.000.000
	33.508.233.818	23.921.694.027

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị cổ thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị cổ thẻ thu hồi VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	118.275.077.850			
- Công ty CP TM và Vận tải Biển Bắc	6.000.000.000	(i)	118.275.077.850	(118.275.077.850)
- Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	112.275.077.850	(i)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	118.275.077.850		112.275.077.850	(112.275.077.850)
			118.275.077.850	(118.275.077.850)

(i) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư căn phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2026. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP TM và Vận tải Biển Bắc	Số 7 Đ/D4/389 Đà Nẵng, Phường Đồng Hải, TP Hải Phòng	30%	30%	Vận tải biển
Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	Thôn 4, Phường Liên Hòa, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	20%	20%	Sửa chữa, bảo dưỡng, phươg tiện vận tải

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	16.261.918.712	(16.244.159.296)	16.256.581.738	(16.244.159.296)
Công ty Cổ phần Vận tải biển và TM Quang Trường	9.881.151.221	(9.881.151.221)	9.881.151.221	(9.881.151.221)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	15.433.582.400	(15.433.582.400)	15.433.582.400	(15.433.582.400)
Khác	5.088.470.865	(2.855.210.306)	6.889.879.978	(2.855.210.306)
	46.665.123.198	(44.414.103.223)	48.461.195.337	(44.414.103.223)
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.3)	16.261.918.712		16.256.581.738	

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
PPG Performance Coatings (Malaysia) Sdn Bhd	2.432.291.244	(2.432.291.244)	2.432.291.244	(2.432.291.244)
Khác	20.848.537.223	(19.281.841.834)	20.539.002.839	(19.281.841.834)
	23.280.828.467	(21.714.133.078)	22.971.294.083	(21.714.133.078)

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác	14.925.865.323	-	14.483.780.719	-
+ TCT Tài chính CP dầu khí Việt Nam (1)	66.850.155.622	(34.701.471.556)	67.341.684.215	(34.701.471.556)
+ Công ty CPTM và Vận tải Biển Bắc (2)	29.780.000.000	-	29.780.000.000	-
+ Tàu biển NEW PHOENIX	8.484.896.468	(8.484.896.468)	8.484.896.468	(8.484.896.468)
+ Công ty CP TM và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	8.881.647.799	(8.881.647.799)	8.881.647.799	(8.881.647.799)
+ Khác	9.257.866.512	(9.257.866.512)	9.257.866.512	(9.257.866.512)
	10.445.744.843	(8.077.060.777)	10.937.273.436	(8.077.060.777)
	81.776.020.945	(34.701.471.556)	81.825.464.934	(34.701.471.556)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chỉ tiết Thuyết minh số 6.3)	20.971.942.838	(20.971.942.838)	20.971.942.838	(20.971.942.838)

(1) Đây là khoản tiền còn phải thu của Công ty CP Vận tải Biển và TM Phương Đông với TCT Tài chính CP Dầu khí Việt Nam về khoản chuyển nhượng Nhà và Đất tại 264E Lê Văn Sỹ, Phường Nhiều Lọc của Công ty CP Thương mại Biển Bắc cho PVFC.

Đến thời điểm 30/06/2026, Công ty CP Vận tải Biển và Thương mại Phương Đông còn phải trả Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tài trợ 3 bên số 2001089 ngày 26/12/2007 giữa Seabank Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Quốc tế VN - CN Sài Gòn và PVFC chi nhánh Hải Phòng (Trong đó: PVFC là 21.052.500 USD).

Đến thời điểm 30/06/2026, công ty và PVFC chưa thực hiện cân trừ công nợ.

(2) Đây là khoản phải thu Công ty CP TM và Vận tải Biển Bắc liên quan đến tiền thuế GTGT và thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng dự án Trường trung cấp nghề Bắc Ninh mà Công ty chuyển nhượng từ năm 2010. (Khoản phải thu này đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100%)

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.6. Nợ xấu

	Cuối kỳ			Đầu kỳ		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi						
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	17.266.903.186		Trên 3 năm	17.266.903.186		Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	28.595.125.731		Trên 3 năm	28.595.125.731		Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại Quang Trường	11.880.913.456		Trên 3 năm	11.880.913.456		Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	9.257.866.512		Trên 3 năm	9.257.866.512		Trên 3 năm
Shandong Sea Power International Shipping Agency Co., Ltd	1.066.271.500		Trên 3 năm	1.066.271.500		Trên 3 năm
Sino Cosmos Shipping Limited	1.650.840.641		Trên 3 năm	1.650.840.641		Trên 3 năm
Tàu biển New Phoenix	9.078.136.087		Trên 3 năm	9.078.136.087		Trên 3 năm
PPG Performance Coatings (Malaysia) Sdn Bhd	2.432.291.244		Trên 3 năm	2.432.291.244		Trên 3 năm
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Đại Dương Xanh	1.276.815.587		Trên 3 năm	1.276.815.587		Trên 3 năm
Công ty TNHH VT Thành Cường Khác	666.496.860		Trên 3 năm	666.496.860		Trên 3 năm
	20.490.304.353	2.832.257.300		20.490.304.353	2.832.257.300	
	103.661.965.157	2.832.257.300		103.661.965.157	2.832.257.300	

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	347.613.968	-	498.824.523	-
Công cụ dụng cụ	4.357.091	-	4.357.091	-
	351.971.059	-	503.181.614	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ 0 VND.

4.8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Chi phí bảo hiểm tàu	1.292.802.276	-
	1.292.802.276	-

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	5.945.934.914	1.516.835.193.369		1.523.837.345.551
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.210.583.317.907	1.056.217.268	1.210.583.317.907
Số dư cuối kỳ	5.945.934.914	306.251.875.462	1.056.217.268	313.254.027.644
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	4.083.220.827	1.390.727.901.751	986.905.800	1.395.798.028.378
- Khấu hao trong kỳ	143.047.590	29.327.505.788	19.184.088	29.489.737.466
- Thanh lý nhượng bán	-	1.113.822.368.283	-	1.113.822.368.283
Số dư cuối kỳ	4.226.268.417	306.233.039.256	1.006.089.888	311.465.397.561
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	1.862.714.087	126.107.291.618	69.311.468	128.039.317.173
Tại ngày cuối kỳ	1.719.666.497	18.836.206	50.127.380	1.788.630.083
- Giá trị còn lại cuối kì của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm có đảm bảo các khoản vay				
Tại ngày đầu kỳ	-	126.088.455.413	-	126.088.455.413
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Tại ngày đầu kỳ	1.567.746.000	306.251.875.462	718.126.359	308.537.747.821
Tại ngày cuối kỳ	1.567.746.000	306.251.875.462	718.126.359	308.537.747.821

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

4.10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	723.165.149	723.165.149
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	723.165.149	723.165.149
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	231.412.838	231.412.838
Khấu hao trong kỳ	7.231.650	7.231.650
Số dư cuối kỳ	238.644.488	238.644.488
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	491.752.311	491.752.311
Tại ngày cuối kỳ	484.520.661	484.520.661

- Giá trị còn lại cuối kì của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:) VND

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.432.731.235	4.432.731.235
Dự án mua/đóng mới tàu biển	202.516.364	202.516.364
- Tàu 34.000 tấn	158.864.091	158.864.091
- Tàu 53.000 tấn	10.750.000	10.750.000
- Tàu 56.200 tấn	32.902.273	32.902.273
Dự án trường Đào tạo nghề Nosco tại Bắc Ninh(*)	4.230.214.871	4.230.214.871
	4.432.731.235	4.432.731.235

(*): Dự án đầu tư xây dựng trường trung cấp nghề Nosco tại Bắc Ninh được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 21.1.2.1.000.231 ngày 15/09/2010 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp. Mục tiêu của Dự án là Xây dựng trường Trung cấp nghề Nosco đa nghề và đào tạo lao động có tay nghề cao phục vụ ngành hàng hải. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 30 tỷ đồng. Dự án này được công ty nhận lại từ Công ty CP TM và VT Biển Bắc - Là đơn vị liên kết với công ty tương ứng với giá trị tiền thuế GTGT và thuế TNDN mà Công ty CP TM và VT Biển Bắc đã nộp cho nhà nước.

Dự án đã được thương thảo chuyển nhượng với Công ty CP Công nghiệp Minh Nguyên theo biên bản thỏa thuận số 120218 ngày 12/02/2018 giữa Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Minh Nguyên về việc bàn giao đất và phối hợp với UBND Bắc Ninh để chuyển đổi chủ đầu tư dự án. Công ty CP Công nghiệp Minh Nguyên đã tạm ứng cho công ty CP Vận tải Biển và Thương mại Phương Đông 5 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2025 vẫn chưa hoàn tất các hồ sơ chuyển giao quyền sở hữu

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công ty Bảo Minh Sài Gòn	36.181.035.669	36.156.333.538
Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long	26.862.969.142	26.862.969.142
TCT Bảo hiểm Việt Nam	21.093.820.780	21.075.431.208
Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng	33.306.574.362	33.306.574.362
Các nhà cung cấp khác	41.024.537.950	41.412.716.340
	158.468.937.903	158.814.024.590
Phải trả người bán với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.3)	5.890.839.000	5.890.839.000

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Minh Nguyên	5.000.000.000	5.000.000.000
Kingsocean Shipping	2.207.305.140	2.207.305.140
Các đối tượng khác	6.238.444.636	6.225.613.934
	13.445.749.776	13.432.919.074

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.166.764.470.383	2.145.755.190.735
Các khoản khác	23.795.025.855	23.687.359.993
	2.190.559.496.238	2.169.442.550.728

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

4.15.1. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	71.339.148	71.339.148
Kinh phí công đoàn	1.565.380.810	1.620.079.928
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.559.469.597	17.902.092.715
+ Công ty TNHH MTV VT Viễn Dương	6.196.402.794	6.196.402.794
VINASHIN		
+ Các khoản khác	12.363.066.803	11.705.689.921
	20.196.189.555	19.593.511.791

4.15.2. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	596.482.096	594.604.180
	596.482.096	594.604.180

CÔNG TY CP VẬN TÀI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT		316.600	-	-		316.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp		138.276.729			-	138.276.729
Thuế thu nhập cá nhân		714.965.586	44.966.073	-	-	669.999.513
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	12.219.550	12.219.550	-	-
Các loại thuế khác		-	201.233	201.233	-	-
	-	853.558.915	57.386.856	12.420.783	-	808.592.842

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Đầu kỳ		Trong kỳ		Cuối kỳ	
	Giá trị VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Vay ngắn hạn	95.405.863.029		18.581.110	309.153.869	95.115.290.270	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở GD	29.470.591.420		8.566.205	60.775.900	29.418.381.725	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	7.664.619.428		6.683.332		7.671.302.760	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.262.345.731		393.133	245.976.113	3.016.762.751	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - Sở GD	12.259.265.936		263.189	2.401.856	12.257.127.269	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Phòng	8.342.091.435		1.881.751	-	8.343.973.186	
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	10.500.000.000		-	-	10.500.000.000	
Công ty TNHH MTV XNK Nosco Đồng Phong	135.603.842		-	-	135.603.842	
Công ty TNHH Vận tải biển và cung ứng nhân lực quốc tế	4.262.626.930		-	-	4.262.626.930	
Công ty Cổ phần Thương mại và VTT Nosco Quảng Ninh	798.711.807		-	-	798.711.807	
Cá nhân nước ngoài	910.006.500		793.500	-	910.800.000	
Các cá nhân trong nước	17.800.000.000		-	-	17.800.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.033.787.561.514		2.084.545.055	77.229.905.152	2.958.642.201.417	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.085.916.340.461		949.541.852	35.027.965.865	1.051.837.916.448	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở GD	1.253.945.958.534		897.475.961	42.201.939.287	1.212.641.495.208	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	473.612.044.880		194.013.118	-	473.806.057.998	
Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Hải Phòng	70.558.444.678		-	-	70.558.444.678	
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	80.995.340.946		30.000.000	-	81.025.340.946	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	52.222.725.396		-	-	52.222.725.396	
Công ty Bảo Minh Sài Gòn	15.498.349.716		13.514.124	-	15.511.863.840	
Vay các đối tượng khác	1.038.356.903		-	-	1.038.356.903	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.129.193.424.543		2.103.126.165	77.539.059.021	3.053.757.491.587	

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình		Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối		Tổng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	
Số dư tại 01/01/2025	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.900.958.550	(5.358.551.027.128)	(5.099.547.943.578)			
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(166.106.397.478)	(166.106.397.478)			
Số dư tại 30/06/2025	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.900.958.550	(5.524.657.424.606)	(5.265.654.341.056)			
Số dư tại 01/01/2026	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.900.958.550	(5.563.455.397.732)	(5.304.452.314.182)			
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(64.088.609.639)	(64.088.609.639)			
Số dư tại 30/06/2026	200.560.000.000	13.842.805.000	(5.300.680.000)	49.900.958.550	(5.627.544.007.371)	(5.368.540.923.821)			

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

4.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	98.274.400.000	49,00%	98.274.400.000	49,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	15.140.000.000	7,55%	15.140.000.000	7,55%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh	20.000.000.000	9,97%	20.000.000.000	9,97%
Vốn góp của các đối tượng khác	67.145.600.000	33,48%	67.145.600.000	33,48%
	200.560.000.000	100%	200.560.000.000	100%

4.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	200.560.000.000	200.560.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.560.000.000	200.560.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.18.4 Cổ phiếu

	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.056.000	20.056.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.056.000	20.056.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.056.000	20.056.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	530.068	530.068
- Cổ phiếu phổ thông	530.068	530.068
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.525.932	19.525.932
+ Cổ phiếu phổ thông	19.525.932	19.525.932

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu vận tải biển	28.033.505.682	51.294.080.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.272.883.928	4.843.712.713
	30.306.389.610	56.137.792.939

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

5.2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn vận tải biển	47.366.492.675	105.194.236.738
	47.366.492.675	105.194.236.738

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	409.596.558	1.489.329
Lãi chênh lệch tỷ giá	297.454.966	548.979.326
	707.051.524	550.468.655

5.4 Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	21.009.279.648	36.063.895.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.155.507.512	73.773.712.298
	23.164.787.160	109.837.608.132

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	3.077.267.301	3.666.857.278
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.729.925	86.157.323
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.948.328	107.879.310
Thuế, phí và lệ phí	68.686.854	997.234.345
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.055.779.912)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	808.976.230	549.953.673
Chi phí khác bằng tiền	879.629.595	3.462.834.573
	5.000.238.233	7.815.136.590

5.6 Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền phạt thu được	-	3.588.503.747
Thu nhập khác	560.000	1.803.756.793
	560.000	5.392.260.540

5.7 Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.531.044.472	-
Tiền chậm nộp thuế	-	894.987.155
Các khoản khác	40.048.233	4.444.950.997
	19.571.092.705	5.339.938.152

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/ Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(64.088.609.639)	(166.106.397.478)
Lợi nhuận/ Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(64.088.609.639)	(166.106.397.478)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.525.932	19.525.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.282)	(8.507)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.282)	(8.507)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.371.258.962	25.799.472.928
Chi phí nhân công	13.095.930.676	10.846.623.638
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.496.969.116	42.753.661.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.320.526.439	30.854.174.448
Chi phí khác bằng tiền	1.082.045.715	3.811.221.068
	52.366.730.908	114.065.153.240

5 CÁC THÔNG TIN KHÁC

5.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong kỳ, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

5.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

5.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

5.3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ kế toán như sau:

Chức danh		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Quang Toàn	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	225.429.000	-
Ông Trần Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	165.214.250	159.330.000
Ông Nguyễn Văn Hoài	Phó Tổng Giám đốc	208.346.125	190.870.000
Ông Lê Thế Việt	Phó Tổng Giám đốc	196.346.125	190.870.000
		795.335.500	541.070.000

5.3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Nosco Shipyard	Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần TM và Vận tải Biển Bắc	Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TM và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	Quảng Ninh	Công ty con (đã dừng hoạt động và đóng mã số thuế)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh giao dịch với các công ty có liên quan.

Số dư các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn với các bên liên quan khác

Nội dung		Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Phải thu khách hàng	16.261.918.712	16.256.581.738
		16.261.918.712	16.256.581.738
Nội dung		Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải trả người bán			
Công ty cổ phần Nosco Shipyard	Phải trả người bán	5.890.839.000	5.890.839.000
		5.890.839.000	5.890.839.000

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VÀ TM PHƯƠNG ĐÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

	Nội dung	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Phải thu khác			
Công ty CPTM và Vận tải Biển Bắc	Phải thu khác	8.484.896.468	8.484.896.468
Công ty CP TM và Vận tải thủy Nosco Quảng Ninh	Phải thu khác	9.257.866.512	9.257.866.512
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Biển Bắc	Phải thu khác	3.213.565.959	3.213.565.959
Công ty cổ phần Nosco Shipyard	Phải thu khác	15.613.899	15.613.899
		20.971.942.838	20.971.942.838

5.4 Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

5.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.4, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99. Một số số liệu thông tin so sánh cũng được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Đầu kỳ (Trình bày lại) VND	Đầu kỳ (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	52.428.246.497	52.428.246.497	-
3. Phải thu về cho vay	135	-	3.213.565.959	(3.213.565.959)
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	81.825.464.934	78.611.898.975	3.213.565.959

Người lập biểu
Vũ Thu Hiền

Kế toán trưởng
Hoàng Thị Thu Thảo



Tổng giám đốc
Trần Quang Toàn
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2026